

Đề bài

Cảm nhận của anh, chị về hình
tượng người nông dân - nghĩa sĩ
trong bài

***Văn tế nghĩa sĩ
Cần Giuộc***

của nhà thơ

Nguyễn Đình Chiểu.

(Đề thi học sinh giỏi quốc gia
năm 2002, bảng B)

Bài làm

Nửa cuối thế kỉ XIX là một giai đoạn biến động mạnh mẽ của lịch sử dân tộc ta, đánh dấu bằng cuộc xâm lược của thực dân Pháp. Cảnh nước mất nhà tan, muôn dân đau khổ đã khiến cho biết bao sĩ phu yêu nước cầm bút làm thơ. Trong số những tác giả ấy, không thể không nhắc đến Nguyễn Đình Chiểu với bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*. Tác phẩm đã khắc họa một hình tượng nghệ thuật đẹp về người nông dân – nghĩa sĩ trong buổi đầu chống Pháp của dân tộc.

Tôi còn nhớ một câu nói của nhà văn Nga Sêkhốp: “Một nghệ sĩ chân chính phải là một nhà nhân đạo trong cốt tủy”. Nhận định ấy đã trở thành chân lí của nghệ thuật nói chung và của văn học nói riêng. Điều đó được thể hiện sâu sắc qua cuộc đời và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu, một nhà thơ, nhà văn, nhà yêu nước vĩ đại của dân tộc, bởi chính nhà thơ đã từng nói:

Chở bao nhiêu đạo thuyền không chẳm

Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà.

Có lẽ vì ý thức được sâu sắc vai trò của thơ văn đối với đời sống mà Nguyễn Đình Chiểu luôn hướng các tác phẩm của mình về phía “nghệ thuật vị nhân sinh”. Tác phẩm *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* cũng ra đời trên nền tảng đó.

Theo ghi chép của lịch sử thì tác phẩm *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* ra đời là do một người bạn học của Nguyễn Đình Chiểu là Đỗ Quang – bấy giờ giữ chức Tri phủ – có lời nhờ cậy. Nhưng hẳn đó không phải là lí do duy nhất để Nguyễn Đình Chiểu viết nên tác phẩm này. Một lí do nữa, lí do quan trọng nhất để *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* được ra đời là do chính bản thân tác giả – một sĩ phu yêu nước – vô cùng cảm động, khâm phục tấm gương chiến đấu anh dũng của những nghĩa sĩ hi sinh trong trận chiến với thực dân Pháp ở Cần Giuộc. Bởi vậy, khi đọc *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*, ta không chỉ thấy ở đó một tấm lòng cảm phục, kính trọng đối với những nghĩa sĩ mà còn bắt gặp một bức tranh chân thực về cuộc sống lao động và chiến đấu của họ, những người nông dân khoác áo nghĩa tình.

Tác phẩm được viết theo thể loại văn tế. Loại văn này thường được sử dụng trong các tác phẩm văn học thể hiện tấm lòng đối với người đã khuất như: *Văn tế Trương Quỳnh Như* của Phạm Thái, *Văn tế thập loại chúng sinh* của Nguyễn Du... Lối văn được sử dụng là lối văn biền ngẫu, từng về sóng đôi tạo nên sự nhịp nhàng, cân đối.

Trong kho tàng văn tế Việt Nam thì *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* được đánh giá là một kiệt tác; bởi đây là lần đầu tiên trong lịch sử văn học, tác giả đã xây dựng được một tượng đài nghệ thuật sừng sững về người nông dân – nghĩa sĩ.

Tác phẩm được kết cấu gồm bốn phần: phần lung khởi nêu khái quát về cuộc chiến đấu và sự hi sinh của nghĩa sĩ; phần thích thực nêu lên những

đóng góp, công lao của người nghĩa sĩ đối với nhân dân, với đất nước, phần ai vẫn thể hiện nỗi niềm tiếc thương của những người ở lại, phần kết là lời hứa về những việc làm của người còn sống để đền ơn những người đã khuất. Đây cũng là kết cấu chung vốn có của thể loại văn tế trong văn học cổ điển.

Trong phần lung khởi của bài văn tế, người đọc bắt gặp ở đó hoàn cảnh của cuộc chiến đấu và ý nghĩa của nó:

Hỡi ôi!

Súng giặc đất rền; lòng dân trời tỏ.

Mười năm công vỡ ruộng, chưa chắc còn danh nổi tợ phao;

Một trận nghĩa đánh Tây, tuy là mất tiếng vang như mõ.

Khi thực dân Pháp kéo quân vào giày xéo đất nước ta, giết hại nhân dân ta đến mức:

Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy

Mất ổ đàn chim dáo dác bay

(Chạy giặc – Nguyễn Đình Chiểu)

thì thử hỏi lòng dân ai không oán hận? Nhưng trong hoàn cảnh ấy, không phải ai cũng có sức mạnh để đứng lên, ai cũng dám cầm gươm mà tiêu diệt kẻ thù. Chỉ có những người nông dân vốn yêu chuộng hòa bình, vốn giàu sức mạnh mới dũng cảm quên mình để bước vào cuộc chiến đấu.

Những người nông dân Nam Bộ vốn chất phác, hiền lành, chỉ biết *côi cút làm ăn; toan lo nghèo khó*. Chỉ riêng từ côi cút đã đủ sức khiến cho độc giả hiểu được về cuộc sống của những người nông dân này. Người dân Việt Nam vốn quen làm lụng “một nắng hai sương”, suốt ngày “bán mặt cho đất, bán lưng cho trời” để làm ra hạt lúa, củ khoai lo cho từng bữa ăn. Cái nghèo, cái khó đã khiến họ suốt cả một đời chỉ biết lao động hăng say, không biết đến binh đao, chiến trận. Họ hiền lành, chân thật đến mức:

Chưa quen cung ngựa, đâu tới trường nhung; chỉ biết ruộng trâu, ở trong làng bộ.

Việc cuốc, việc cày, việc bừa, việc cấy, tay vốn quen làm; tập khiên, tập súng, tập mác, tập cờ, mắt chưa từng ngó.

Đôi bàn tay của họ có nhiều chai sạn nhưng những vết chai sạn ấy chỉ là do họ cầm *cuốc*, cầm *cày* quá nhiều chứ không phải là do họ cầm *khiên*, cầm *mác* chiến đấu, điều đó chứng tỏ một vẻ đẹp của người nông dân Nam Bộ nói riêng và những người dân Việt Nam nói chung: yêu lao động, yêu hòa bình.

Vẫn là những người nông dân ấy nhưng trong hoàn cảnh đất nước bị xâm lăng, Nguyễn Đình Chiểu đã nhận thấy ở họ một sức mạnh chiến đấu, một sức sống tiềm tàng khỏe khoắn, cương trực – một vẻ đẹp đặc trưng của con người Nam Bộ: *Làm ơn há dễ trông người trả ơn*. Từ những người chân lấm tay bùn, họ bỗng rũ bùn đứng dậy sáng lòa (*Đất nước – Nguyễn Đình Thi*), trở thành những nghĩa sĩ kiên cường mang trên đôi vai sức vóc của cả dân tộc.

Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc đã xây dựng được hình ảnh một tập thể anh hùng trong chiến đấu, mang trong tim dòng máu nóng của lòng căm thù mãnh liệt.

Bữa thấy bông bong che trắng lớp, muốn tới ăn gan; ngày xem ống khói chạy đen sì, muốn ra cắn cổ.

Nhìn thấy những chiếc tàu Pháp ngày ngày nghênh ngang đi lại trên sông ngòi quê hương, chứng kiến cảnh nhân dân bị đàn áp đói khổ, lòng căm thù trong họ bước đầu mới chỉ là *muốn tới ăn gan, muốn ra cắn cổ* – một lòng căm thù sục sôi nhưng vẫn còn mang đậm chất nông dân thực thà, chân chất, rất đời thường.

Quê hương đã chìm trong ách thống trị của bọn thực dân, những người dân Nam Bộ vẫn hướng mắt về phương Bắc – nơi còn giữ được chủ quyền – hi vọng quan quân nhà Nguyễn sẽ tới để đánh đuổi Pháp, nhưng rồi:

Tiếng phong hạc phập phồng hơn mười tháng; trông tin quan như trời hạn trông mưa.

Đã hơn mười tháng, người dân Nam Bộ vẫn chưa thấy bóng dáng một đoàn quân nào của triều đình nhà Nguyễn; bởi vậy, họ càng trông ngóng, càng hi vọng bao nhiêu thì càng thất vọng bấy nhiêu. Biết tới *khi nào Thánh đế ân soi thấu* để họ có thể đón lấy *một trận mưa thuận rửa núi sông* (*Ngư Tiều y thuật vấn đáp*, Nguyễn Đình Chiểu)?

Bản chất những người nông dân ấy hiền lành, chất phác đến mức căm thù giặc họ cũng chỉ biết so sánh bằng hình ảnh *ghét thói mọi như nhà nông ghét cỏ*. Cỏ đối với nhà nông là kẻ thù nguy hiểm, bởi nó đe dọa sẽ cướp đi của họ sự no ấm, sự bội thu của mùa màng, sẽ khiến gia đình họ nghèo hơn, đói hơn. Và giặc Pháp cũng vậy, chúng là kẻ thù “bất cộng đái thiên” bởi chúng cướp nước, cướp ruộng vườn, tàn sát dân ta.

Những người nông dân ấy giản dị, mộc mạc cả về hình thức bên ngoài lẫn bản chất bên trong. Nếu bản chất họ thật thà, chất phác, đôn hậu bao nhiêu thì bề ngoài của họ cũng giản dị, cũng mộc mạc bấy nhiêu. Là nghĩa sĩ nhưng họ không mang giáp trụ, không súng, không khiên, trên tấm thân ấy chỉ là một manh áo vải – một manh áo nâu màu đất, màu quê hương bền bỉ, đậm đà. Họ lên đường chiến đấu chỉ vì một *lưỡi dao phay, với hỏa mai đánh bằng rom con cú*... Điều này cho thấy sự đối lập về lực lượng giữa những người nghĩa binh và bọn thực dân Pháp. Họ mang *dao phay, mang rom con cú* để đánh lại *đạn nhỏ, đạn to, tàu thiếc, tàu đồng* của địch. Tuy nhiên, sự chênh lệch ấy không làm lung lay ý chí quyết tâm và lòng căm thù sục sôi trong họ. Chẳng đợi ai đòi, ai bắt, chẳng thềm trốn ngược trốn xuôi, họ quyết tâm mang tài trí và sức lực của mình đánh giặc cứu nước. Và thực sự, họ đã giáng xuống đầu bọn thực dân và bè lũ bán nước những đòn trí mạng: họ đốt sạch kho tàng, nhà thơ đạo của chúng khiến mã tà ma ní hồn kinh.

Những người nông dân bước vào trận chiến đấu với tâm hồn thanh thản bởi họ đã gác sang một bên chuyện gia đình vợ con, chuyện đói no cơm áo, trong lòng họ lúc ấy chỉ có ánh sáng của lòng yêu nước, của ý chí căm thù. Và ánh sáng ấy đã chỉ lối cho họ, đã dẫn bước họ dũng cảm chiến đấu để rồi cũng thanh thản hi sinh như cây xong thừa ruộng. Gia đình họ vẫn còn mẹ già, vợ dại, con thơ – những người thân yêu của họ trên đời. Sự hi sinh của những người nông dân ấy đã khiến gia đình họ mất đi trụ cột vững chắc, để rồi mẹ già ngồi khóc trẻ. Thực chất, chính hoàn cảnh đất nước, chính sự tàn ác của bè lũ cướp nước đã buộc họ phải hi sinh thân mình, hi sinh vì Tổ quốc, vì đồng loại, điều ấy khiến họ thanh thản ra đi mà không còn cảm thấy gánh nặng trách nhiệm đối với gia đình.

Dù chiến đấu ngoan cường, anh dũng nhưng bởi sự chênh lệch quá lớn về lực lượng, về vũ khí... mà những người nghĩa sĩ đã không chiến thắng. Họ đã ngã xuống trên mảnh đất quê hương, nơi đã thấm máu của biết bao anh hùng: Trương Công Định, Phan Văn Trị, Thủ Khoa Huân... những người đứng đầu các cuộc khởi nghĩa chống Pháp của dân tộc ta thời kì hậu bán thế kỉ XIX.

Những nông dân – nghĩa sĩ vốn không phải là dòng ở lính diễn binh, chỉ quanh năm tất bật với việc đồng áng cày bừa, phút chốc đã trở thành những anh hùng áo vải, kiên trung, bất khuất. Sự lớn mạnh của họ dù không thần kì như một cái vươn vai của Phù Đổng, song đã đánh dấu bước trưởng thành nhanh chóng của người nông dân Việt Nam trong chiến đấu. Nguyễn Đình Chiểu tuy mù cả hai mắt song ông lại là người nhìn thấy rõ nhất ở họ một vẻ đẹp trong sáng, đáng trọng. Ông là người đã tìm thấy ở họ một sức sống khỏe khoắn, một sức mạnh tiềm tàng, lòng yêu nước tha thiết và lòng căm thù giặc mãnh liệt, bởi vậy ông đã xây dựng bức tượng đài bằng ngôn từ hết sức đặc sắc về họ – những người nông dân Nam Bộ.

Tấm lòng nhà thơ cũng là tấm lòng của mỗi người dân Việt Nam trân trọng, cảm phục tấm gương hi sinh anh dũng, đầy nghĩa khí của những người sĩ trên quê hương Cần Giuộc – mảnh đất Long An tươi đẹp ngày nay.

Lòng yêu nước bắt nguồn từ những tình yêu hết sức giản dị: yêu mẹ cha, yêu gia đình, yêu từng gốc lúa, bờ tre, yêu dòng sông quê... Tất cả đã thổi bùng lên trong lòng những người nông dân chất phác, thật thà ấy ngọn lửa chiến đấu. Họ đã ra đi, đã chiến đấu, đã hi sinh nhưng cũng chính họ lại là những người đã góp phần tô thêm sắc thắm cho sợi chỉ đỏ của lòng yêu nước đã xuyên suốt bốn ngàn năm lịch sử dân tộc ta.

Hình tượng người nông dân – nghĩa sĩ là một thành công lớn của Nguyễn Đình Chiểu. Những người nông dân ấy hiện lên rất gần gũi, thân thương mà lại lớn lao, sừng sững. Nguyễn Đình Chiểu không viết về họ với những lời ngợi ca trang trọng, với hình ảnh và ngôn từ trau chuốt mà ông khắc họa hình ảnh họ bằng những nét vẽ gần gũi, giản dị, thậm chí có đôi chỗ quê mùa như chính người dân Nam Bộ.

Cũng có ý kiến cho rằng, trong số những người nghĩa sĩ đã bỏ mình nơi mảnh đất Cần Giuộc, có một người là bạn của Nguyễn Đình Chiểu, bởi vậy, chúng ta hẳn ai cũng phải công nhận rằng chỉ có một tâm hồn Nam Bộ Nguyễn Đình Chiểu, chỉ bút khắc họa đặc sắc Nguyễn Đình Chiểu mới đủ sức tạc vào thơ ca Việt Nam, tạc vào lịch sử dân tộc và tạc vào thời gian một bức tượng người nông dân – nghĩa sĩ trong buổi đầu chống Pháp.

Chỉ với những nét khắc họa giản dị như thế, Nguyễn Đình Chiểu đã đem đến cho người đọc sự nhận biết mới mẻ về sức mạnh của người nông dân. Khi hòa bình, họ là những người dân hiền hòa như mảnh đất quê hương, miệt mài, hăng say trong lao động, nhưng khi quê hương có bóng kẻ thù, họ vụt lớn mạnh thành anh hùng áo vải giết quân thù không chừa có hạt nhân, sẵn sàng chiến đấu và hi sinh vì Tổ quốc. Vẻ đẹp ấy ở người nông dân ít được phát hiện trong văn học cổ, chỉ có Nguyễn Trãi là người đầu tiên có sự tiến bộ trong nhận thức: *Làm lật thuyền mới biết sức dân mạnh như nước bay: Đầy thuyền cũng là dân, lật thuyền cũng là dân.* Và Nguyễn Đình Chiểu là người thứ hai, sau Nguyễn Trãi nhận ra ở người nông dân một vẻ đẹp, một sức mạnh tiềm tàng và đã khắc họa lại trong tác phẩm *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*. Phải chăng, tư tưởng ấy của Nguyễn Đình Chiểu đã chiếu sáng vào những trang sử của dân tộc ta sau này? Khi ấy, sức mạnh của người nông dân đã lớn mạnh tới đỉnh cao và chính họ là người đưa cách mạng Việt Nam tới thắng lợi.

Hình tượng người nông dân – nghĩa sĩ trong *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* đã khiến cho tác phẩm trở thành một kiệt tác bất hủ của văn học Việt Nam, đúng như lời nhận xét của Mai Am nữ sĩ:

*Quốc ngữ một thiên truyền vạn thuở
Còn hơn xây mô đắp khô hài.*

Và rồi chúng ta, mỗi người dân Việt Nam hôm nay, mỗi lần đọc lại bài văn tế này lại không khỏi xúc động trước vẻ đẹp của những người nghĩa sĩ, xúc động trước tấm lòng cao cả của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu:

*... Cụ Đồ ơi có biết
Đồng khởi đuổi quân thù
Quê thân thương của cụ
Mồ trống vọng nghìn thu.*

(Thăm nền nhà cụ Đồ Chiểu – Huy Cận)

Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc là một khúc ca bi tráng về hình ảnh những người nông dân – nghĩa sĩ anh hùng trong chiến đấu đồng thời cũng là tấm lòng khâm phục, thương tiếc của nhà thơ đối với những nghĩa sĩ ấy. Hình tượng những người nông dân – nghĩa sĩ trong tác phẩm còn gợi mở trong lòng mỗi chúng ta sự liên tưởng về hình ảnh những người nông dân khoác áo lính trong thơ ca hiện đại:

*Quê hương anh nước mặn đồng chua
Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá
... Áo anh rách vai
Quần tôi có vài mảnh vá
Miệng cười buốt giá
Chân không giày...*

(Đồng chí – Chính Hữu)

Hay:

*Lũ chúng tôi
Bọn người tí xíu
Gặp nhau hỏi chưa biết chữ
Quen nhau từ buổi “một hai”
Súng bắn chưa quen
Quân sự mươi bài
Lòng vẫn cười vui kháng chiến
Lột sắt đường tàu
Rèn thêm dao kiếm
Áo vải chân không
Đi lòng giặc đánh...*

(Nhớ – Hồng Nguyên)

Đó đều là hình tượng người nông dân trong chiến đấu được khắc họa rất đẹp, rất thành công trong văn học Việt Nam.

Hình tượng người nông dân – nghĩa sĩ trong tác phẩm *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* đã để lại trong lòng độc giả ấn tượng sâu sắc. Sự thành công trong việc khắc họa hình tượng đó đã một lần nữa khẳng định tài năng thơ Nguyễn Đình Chiểu, một ngôi sao sáng trên bầu trời văn học dân tộc, một nhà thơ, nhà văn, nhà yêu nước, vĩ đại của dân tộc ta thời kì đầu chống thực dân Pháp.

Qua hình tượng người nông dân – nghĩa sĩ ấy, chúng ta càng thêm yêu quý, trân trọng vẻ đẹp của con người Việt Nam, sức mạnh Việt Nam:

*Yêu biết mấy, những con người đi tới
Hai cánh tay như hai cánh bay lên
Ngực dám đón những phong ba dữ dội
Chân đạp bùn không sợ các loài sên!*

(*Ta đi tới* – Tố Hữu)

Lương Thị Bích Nga

Trường THPT chuyên Chu Văn An – Lạng Sơn